TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT
Ngày 25/12/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn; ông Triệu Ngọc Thức.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà La Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLPT - DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm 12/2023/DS - ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2023/QĐ-PT, ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn Đ,** sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn Đ; sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Nguyên đơn bà* Nguyễn Thị Th *trình bày:* Do là chỗ quen biết, nên ngày 11/12/2020 bà Th cho ông Phan Văn Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vay số tiền 105.000.000 đ *(Một trăm linh năm triệu đồng)*, theo giấy vay tiền ngày 11/12/2020 do ông Đ tự viết và ký tên bên vay, khoản tiền vay không tính lãi suất, thoả thuận thời hạn trả vào ngày 11/01/2021. Khoản tiền này sau đó ông Đ đã trả cho bà Th 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), trả làm nhiều lần cụ thể:

+ Ngày 31/12/2020 ông Đ trả 35.000.000 đồng;

+ Ngày 20/01/2021 ông Đ trả 15.000.000 đồng;

Hai lần trả tiền nêu tên ông Đ đều trả bằng tiền mặt và bà đều viết, ký xác nhận vào mặt sau tờ lịch và giao cho ông Đ giữ.

Số tiền ông Đ còn nợ là 55.000.000 đồng. Sau đó ông Đ lại vay thêm của bà 5.000.000 đồng, khoản vay này không có giấy tờ vay nợ riêng, nhưng ông Đ có ghi vào mặt sau của giấy vay tiền cùng ngày 11/12/2020 thành tổng số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 25/3/2021 sẽ trả.

Ngày 15/7/2021 ông Đ trả cho bà Th 20.000.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản số 1018477985 của bà Th mở tại Ngân hàng Vietcombank.

Số nợ còn lại phải trả là 40.000.000 đ. Nhưng bà không tính số tiền 5.000.000 đồng mà ông Đ vay thêm (ông Đ không trả số tiền 5.000.000 đồng nhưng bà cũng không đòi), mà chỉ xác định ông Đ còn nợ 35.000.000 đồng, đến ngày 16/12/2021 ông Đ viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 30/12/2021 sẽ trả hết cho bà, nhưng sau đó ông Đ đã không thực hiện việc trả nợ, tiếp đến ông Đ lại hẹn đến ngày 30/02/2022 sẽ trả cho bà, nhưng ông Đ vẫn không trả.

Ngày 11/4/2022 bà Th cho ông Đ vay thêm số tiền 15.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ vay tiền với nhau, để ông Đ góp vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông và tổ chức sự kiện L (Công ty L), địa chỉ số 27-V5A KĐT mới Văn Phú, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, do bà Nguyễn Thị Khuyên – Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật, số tiền vay 15.000.000 đồng này bà Th và ông Đ cùng nhiều người khác trực tiếp đem sang tỉnh Thái Nguyên để nộp vào Công ty L và hiện nay ông Đ vẫn đang hưởng lãi 3%/tháng do Công ty L trả cho ông Đ Đức.

Số tiền 15.000.000 đồng ông Đ sử dụng để mua 02 hợp đồng góp vốn vào Công ty L, trong đó 01 hợp đồng đứng tên ông Đ trị giá 10.000.000 đồng và 01 hợp đồng trị giá 5.000.000 đồng đứng tên con gái ông Đ là cháu Phan Hồng Nh, sinh ngày 30/12/2000 cùng địa chỉ với ông Đ.

Do Ông Đ vay 02 khoản tiền mà không trả, vì vậy bà Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đ phải trả nợ cho bà Th như sau:

+ Khoản vay 35.000.000 đồng x lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 16/12/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2023 là 7.350.000 đồng.

+ Khoản vay 15.000.000 đồng x lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 11/4/2022 đến ngày 06/9/2023 là 7.650.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Th yêu cầu ông Đ phải trả là 65.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 02 khoản là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, đêm ngày 07/9/2021 ông Đ vay nóng của bà Th số tiền 10.000.000 đồng, hai bên không lập giấy tờ vay nợ với nhau, nhưng có chồng bà Th là ông Nguyễn Đức M chứng kiến. Khoản vay này đến ngày 09/9/2021 ông Đ đã chuyển khoản trả cho bà Th vào tài khoản số 1018477985 mở tại Ngân hàng Vietcombank.

* *Bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày:* Do là chỗ quen biết nên ông Đ có vay của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Vay lần thứ nhất : Ngày 11/12/2020 ông Đ vay của bà Th số tiền 105.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền do ông tự viết và ký tên, thoả thuận đến này 11/01/2021 ông sẽ trả nợ cho bà Th, số tiền vay thực tế là 100.000.000 đồng, nhưng bà Th đã công luôn 5.000.000 đồng tiền lãi thành tổng số tiền vay là 105.000.000 đồng. Trên giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, nhưng trên thực tế hai bên thoả thuận lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, ông không có giấy tờ chứng minh số tiền lãi mà ông đã trả cho bà Th. Khi ông trả nợ thì bà Th tự viết biên nhận tiền vào mặt sau của tờ lịch hiện ông vẫn còn giữ, các lần trả cụ thể như sau:

Trả lần 1: Ngày 31/12/2020 trả 35.000.000 đồng, bà Th viết giấy biên nhận tiền vào một tờ lịch to (hiện đã nộp cho Toà án).

Trả lần 2: Ngày 20/01/2021 (trong giấy ghi nhầm năm 2020) trả 15.000.000 đồng, bà Th viết giấy biên nhận tiền vào một tờ lịch to (hiện đã nộp cho Toà án), bà Th viết giấy biên nhận tiền vào một tờ lịch khác nhỏ hơn, giao cho ông giữ.

Sau đó ông Đ viết giấy khất nợ bà Th và xác nhận số tiền còn nợ của bà Th là 60.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/3/2021 sẽ trả cho bà Th. Thực tế số tiền gốc còn nợ là 55.000.000 đồng, nhưng bà Th lại cộng thêm 5.000.000 đồng tiền lãi vào số nợ còn lại thành 60.000.000 đồng.

Trả lần 3: Ngày 15/7/2021 trả 20.000.000 đồng, chuyển khoản cho bà Th tại Viettel Sơn Dương, vào tài khoản số 1018477985 mở tại Ngân hàng Vietcombank.

Trả lần 4: Ngày 09/9/2021 trả 10.000.000 đồng, chuyển khoản cho bà Th tại Viettel Sơn Dương, vào tài khoản số 1018477985 mở tại Ngân hàng Vietcombank.

Đến ngày 16/12/2021 ông Đ khất nợ bà Th, ông xác định còn nợ tổng số tiền gốc và lãi của bà Th là 30.000.000 đồng, Bà Th lại tính lãi thêm 5.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ viết giấy nợ tổng số tiền là 35.000.000 đồng cả gốc và lãi.

Vay lần thứ hai: Ngày 11/4/2022 ông Đ vay thêm của bà Th số tiền 15.000.000 đồng để ông Đ góp vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông và tổ chức sự kiện L như bà Th trình bày. Thành tổng số tiền 50.000.000 đồng và bà Th vẫn tiếp tục tính lãi 5.000 đồng/triệu/ngày, nhưng có lúc bà Th chỉ lấy 4.000 đồng/triệu/ngày

Trả lần 5: Khoảng tháng 7/2022, tại hội nghị triển khai thực phẩm chức năng do bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960, tổ chức tại nhà hàng Phương Anh thị trấn S, ông Đ với bà Th cùng dự hội nghị . Do bà Th đòi nợ ông trước mặt mọi người nên bà H đã ứng tiền của bà H để trả cho bà Th số tiền 7.000.000 đồng thay cho ông Đ. Số tiền này là trả cả gốc và lãi, cũng không tách bạch cụ thể. Sau đó ông Đ đã chuyển khoản trả cho bà H 02 lần (một lần trả 2.000.000 đồng, một lần trả 5.000.000 đồng).

Trả lần 6: Là lần trả nợ cuối cùng cho bà Th, thời gian vào khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2022, ông Đ trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng là tổng các khoản nợ cả gốc và lãi mà ông Đ còn nợ bà Th. Ông Đ trả bằng tiền mặt tại nhà bà Th, bà Th nhận tiền và tự ghi vào mặt sau của tờ lịch ông Đ giữ có nội dung "Thuỷ cầm 50 T Thuỷ". Khi ông Đ trả khoản tiền này cho bà Th thì không có ai chứng kiến. Vì là chỗ chị em với nhau nên khi ông trả hết tiền cho bà Th thì ông Đ có yêu

cầu bà Th ghi mấy chữ và bà Th có ghi "Thuỷ cầm 50 T Thuỷ", tức là bà Th cầm 50.000.000 đồng, nhưng bà Th không ghi cụ thể thời gian ông Đ trả tiền, do sơ xuất nên ông Đ cũng không yêu cầu ghi bổ sung về thời gian trả.

Tại thời điểm ông Đ trả khoản tiền 35.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020 và khoản tiền 15.000.000 đồng vào ngày 20/01/2021 thì bà Th có viết giấy nhận tiền vào 02 tờ lịch và giao cho giữ (như đã trình bày ở trên), nhưng do tờ lịch ghi khoản trả nợ 15.000.000 đồng ngày 20/01/2021 ông để ở ví bị ướt, rách nên khi trả khoản nợ 50.000.000 đồng vào khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2022, thì ông Đ mang cả 02 giấy biên nhận trả tiền lên và đề nghị bà Th ghi lại. Cụ thể bà Th ghi lại khoản trả 15.000.000 đồng ngày 20/01/2021 vào bên dưới của khoản trả 35.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020 trong cùng tờ lịch, đồng thời hai bên cùng xé, huỷ bỏ giấy trả nợ 15.000.000 đồng vào ngày 20/01/2021 và bà Th ghi nhận thêm khoản trả cuối cùng là 50.000.000 đồng ("Thuỷ cầm 50 T Thuỷ").

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 65.000.000 đồng, ông Đ không nhất trí, ông Đ xác định hiện nay ông không nợ tiền của bà Th. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền ông Đ đã trả cho bà Th là 137.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi bảy triệu đồng)*. Trong đó số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu động)* và số tiền lãi là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*, ngoài ra ông Đ còn trả lãi cho bà Th nhiều lần với số tiền khoảng hơn 40.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh (bao gồm cả khoản lãi 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng))*.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức M trình bày ông Mười là chồng bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, còn ông Phan Văn Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là người quen của gia đình ông, ông Mười quen ông Đ qua bà Th, trước đây hai bên gia đình cũng khá thân thiết với nhau, ông Đ thường xuyên đến nhà ông chơi và liên hệ với bà Th.

Về nội dung tranh chấp liên quan đến khoản tiền vay 10.000.000 đồng mà ông Đ vay của bà Th thì ông được biết và chứng kiến như sau. Vào một buổi tối khoảng 21 đến 22 giờ (không nhớ ngày, tháng, năm), nhưng vào mùa động trời rét, ông Đ có đến nhà ông để hỏi vay tiền của bà Th, khi đó bà Th đang tắm, còn ông đang đang nằm trong buồng ngủ xem ti vi thì ông Đ đến nhà ông, bà Th bảo ông ra mở cửa cho ông Đ. Khi ông Đ nhà thì ông lại vào buồng ngủ, nhưng ông có nghe ông Đ hỏi vay bà Th 10.000.000 đồng là tiền riêng của bà Th và mượn áo rét. Bà Th cho ông Đ mượn tiền , đồng thời còn cho ông Đ mượn áo rét. Khoảng 2 đến 3 hôm sau đó thì ông Đ mang áo đến trả và còn xin lỗi ông về việc hôm trước đến nhà ông hỏi mượn tiền, mượn áo làm phiền gia đình ông. Khi ông Đ vay tiền là vay nóng, vay trong thời gian ngắn nên hai bên không lập giấy tờ vay tiền với nhau. Ngoài ông ra không có ai khác chứng kiến việc ông Đ đến vay tiền của bà Th. Sau đó ông hỏi lại bà Th thì được biết ông Đ đã chuyển khoản trả đủ số tiền 10.000.000 đồng. Còn ông Đ có vay các khoản tiền khác của bà Th hay không thì ông không biết được.

Người làm chứng bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H với bà Nguyễn Thị Th, ông Phan Văn Đ là chỗ quen biết, không có anh em, họ hàng và không có mâu thuẫn với nhau. Về nội dung tranh chấp giữa bà Th với ông Đ liên quan đến khoản thanh toán số tiền 7.000.000 đồng, thì bà H khẳng định không có việc bà H đứng ra ứng số tiền 7.000.000 đồng để trả nợ cho bà Th như ông Đ trình bày, còn giữa bà với ông Đ thì trước đây ông Đ thường xuyên vay tiền của bà những khoản tiền vay không lớn, nên nếu có việc ông Đ chuyển tiền cho bà qua tài khoản ngân hàng thì đây là khoản trả của riêng ông Đ với bà, không liên quan đến khoản vay nợ giữa ông Đ với bà Th.

Vụ án nêu trên đã được Tòa án nhân dân huyện S xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST, ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, quyết định.

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Phan Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 57.117.983 đồng *(Năm mươi bảy triệu một trăm mười bảy nghìn, chín trăm tám ba đồng).* Trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* lãi suất 7.117.983 đồng *(Bảy triệu một trăm mười bảy nghìn, chín trăm tám ba đồng).*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ phải trả số tiền lãi 7.882.017 đồng *(Bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn, không trăm mười bảy đồng).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 20/9/2023 và ngày 03/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Đ nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện S.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Phan Văn Đ xác định nội dung kháng cáo cho rằng ông Đ đã trả cho bà Th số tiền gốc 50.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy viết của bà Th có nội dung "Thuỷ cầm 50 T Thuỷ". Khoản trả nợ 10.000.000 đồng cho bà Th ngày 09/9/0221 chuyển trả qua tài khoản là trả trong khoản vay 105.000.000 đồng; Yêu cầu Toà án xem xét lại số tiền lãi ông đã trả trong khoản ông vay 105.000.000 đồng và ông Đ xác nhận ngày 11/12/2020 ông Phan Văn Đ vay của bà Th số tiền 105.000.000 đ; Ngày 11/4/2022 ông Đ vay thêm của bà Th số tiền 15.000.000 đồng để ông Đ góp vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông và tổ chức sự kiện L, tổng cộng ông Đ vay của bà Th số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 31/12/2020 ông Đ trả 35.000.000 đ; Ngày 20/01/2021 ông Đ trả 15.000.000 đ; Ngày 15/7/2021 ông Đ trả cho bà Th 20.000.000 đồng; Ngày 09/9/2021 ông Đ trả cho bà Th 10.000.000 đồng và khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2021 ông Đ

đã trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng. Nếu ông có nợ của bà Th thì chỉ nợ tiền lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Đ là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện S.

Về án phí: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong các ngày 20/9/2023 và ngày 03/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện S. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Phan Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc ông Đ đã trả cho bà Th số tiền gốc 50.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy viết của bà Th có nội dung "Thuỷ cầm 50 T Thuỷ". Khoản trả nợ 10.000.000 đồng cho bà Th ngày 09/9/0221 chuyển trả qua tài khoản là trả trong khoản vay 105.000.000 đồng; Yêu cầu Toà án xem xét lại số tiền lãi ông Đ đã trả trong khoản vay 105.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/12/2020, ông Phan Văn Đ vay tiền của bà Nguyễn Thị Th số tiền 105.000.000 đ, khi vay tiền ông Đ là người viết giấy vay tiền, hai bên thoả thuận thời hạn vay một tháng, không tính lãi suất, ngày trả 11/01/2021 (thể hiện tại giấy vay tiền ngày 11/12/2020 bút lục 62).

Sau đó ông Đ đã trả tiền cho bà Th nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 31/12/2020 ông Đ trả cho bà Th số tiền 35.000.000 đ;

Lần 2: Ngày 20/01/2021 ông Đ trả cho bà Th số tiền 15.000.000 đ;

Lần 3: Ngày 15/7/2021 ông Đ trả cho bà Th số tiền 20.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 1018477985 mở tại Ngân hàng Vietcombank. Tổng cộng ông Đ đã trả cho bà Th số tiền 70.000.000 đồng được bà Th thừa nhận.

Ngày 11/4/2022, ông Phan Văn Đ vay thêm của bà Nguyễn Thị Th số tiền 15.000.000 đ, để ông Đ góp vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông và tổ chức sự kiện L. Thành tổng số tiền 50.000.000 đồng, (thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023 bút lục 53; 54).

Đối với nội dung kháng cáo ông Đ cho rằng đã trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đ được thể hiện tại giấy ghi với nội dung: "THUỶ CẦM 50 T THUỶ". HĐXX xét thấy: Nội dung dòng chữ "Thủy cầm 50T - Thủy", bà Th xác định đây là cộng tổng khoản trả 35.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020 và trả 15.000.000 đồng vào ngày 20/01/2021; còn ông Đ xác định dòng chữ "Thủy cầm 50T - Thủy" không ghi thời gian viết là một khoản trả riêng 50.000.000 đồng, nhưng về thời gian trả khoản tiền này trong lời khai của ông Đ có sự mâu thuẫn. Tại biên bản hòa giải ngày 02/8/2023 ông Đ xác định trả vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2022; Biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023 ông Đ xác định trả vào cuối năm 2022; Biên bản hòa giải ngày 17/5/2023; Biên bản kiểm tra giao nhận và công khai chứng cứ ngày 19/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023 ông Đ xác định trả vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2022. Điểm mâu thuẫn nữa là tổng số tiền ông Đ vay của bà Th là 120.000.000 đồng, nhưng nếu cộng tổng các lần trả nợ như ông Đ trình bày đã trả số tiền là 137.000.000 đồng, chênh lệch 17.000.000 đồng ông Đ cho rằng số tiền này là tiền lãi nhưng không xác định được là lãi của khoản tiền nào, mức lãi suất bao nhiêu, nếu nhân với lãi suất 5000đồng/triệu/ngày hoặc 4000đồng/triệu/ngày như ông Đ trình bày đều không khớp với số tiền chênh lệch 17.000.000 đồng. Ông Đ cho rằng ông đã trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng thể hiện tại giấy có nội dung. "THUỶ CẦM 50 T THUỶ", là số tiền trả riêng, không phải cộng gộp hai lần trả của ngày 31/12/2020 và ngày 20/01/2021, nội dung "THUỶ CẦM 50 T THUỶ", mà bị đơn cho rằng là số tiền trả riêng nhưng không thể hiện ngày, tháng, năm và không thể hiện nội dung do vậy không có căn cứ xác định bị đơn đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Đối với nội dung kháng cáo số tiền ông Đ chuyển khoản ngày 09/9/2021 là 10.000.000 đồng, bà Th xác định đây là khoản ông Đ vay riêng (vay nóng) vào đêm 07/9/2021, không nằm trong hai khoản vay ngày 11/12/2020 và ngày 11/4/2022, bởi lẽ: Khoản vay 105.000.000 đồng sau khi trừ các lần trả mà hai bên đương sự đều thừa nhận là 70.000.000 đồng thì số nợ còn lại là 35.000.000 đồng. Nếu khoản trả 10.000.000 đồng vào ngày 09/9/2021 nằm trong khoản vay 105.000.000 đồng thì số nợ còn lại sau thời điểm 09/9/2021 chỉ còn 25.000.000 đồng, nhưng ngày 16/12/2021 ông Đ lại viết giấy khất nợ, xác định còn nợ bà Th là 35.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2021 sẽ trả đủ cho bà Th. Tiếp đến, ông Đ lại khất nợ hẹn đến 30/02/2022 sẽ trả hết số nợ 35.000.000 đồng cho bà Th (bút lục số 61). Như vậy, có căn cứ xác định khoản tiền ông Đ chuyển khoản 10.000.000 đồng cho bà Th vào ngày 09/9/2021 là khoản vay riêng, không nằm trong khoản vay 105.000.000 đồng ngày 11/12/2020 và khoản vay ngày 11/4/2022.

Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th và buộc ông Phan Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền **57.117.983đ** *(Năm mươi bảy triệu, một trăm mười bảy nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng)*. Trong đó nợ gốc: 50.000.000 đồng; lãi suất 7.117.983 đồng, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án xem xét lại số tiền lãi ông đã trả trong khoản ông vay 105.000.000 đồng, HĐXX xét thấy: Bị đơn ông Đ cho rằng ông vay của bà Th với số tiền 105.000.000 đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày và ông Đ đã trả cho bà Th số tiền lãi 17.000.000 đồng, nhưng tại giấy vay tiền ghi ngày 11/12/2020, giữa ông Đ và bà Th, (bút lục 62) không tính lãi suất, tại phiên toà bà Th không thừa nhận ông Đ đã trả số tiền lãi và ông Đ cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ đã trả số tiền lãi cho bà Th, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo việc ông Đ đã trả số tiền lãi cho bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Phan Văn Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Đ. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, như ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Văn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện S như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ trả số tiền gốc và lãi 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Xử buộc ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 57.117.983 đồng *(Năm mươi bảy triệu, một trăm mười bày nghìn, chín trăm tám ba đồng)*.Trong đó nợ gốc: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, lãi suất 7.117.983 đồng *(Bảy triệu, một trăm mười bảy nghìn, chín trăm tám ba đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ phải trả số tiền lãi còn lại là 7.882.017đ *(Bảy triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, không trăm mười bảy đồng).*

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong số tiền nêu trên".

2. Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001152, ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông Phan Văn Đ đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí vụ án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/12/2023).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nam

NỘI DUNG HỎI BÀ TH

*Ngày 05/9/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

1. Hủy bản án sơ thẩm;

- Bà Th trình bày các căn cứ đề nghị huỷ bản án số 80 ngày 17/8/2022 của Toà án thành phố TQ.

- Bản án số 80 ngày 17/8/2022 của Toà án thành phố TQ có vi phạm gì mà bà đề nghị huỷ.

2. Hủy hợp đồng ngày 15/4/2011 giữa bà Đỗ Thị Thuỷ và ông Đinh Văn Mạnh;

- Bà trình bày các căn cứ đề nghị hủy hợp đồng ngày 15/4/2011 giữa bà và ông Đinh Văn Mạnh;

- Hợp đồng ngày 15/4/2011 là hợp đồng gì.

- Bà khẳng định chữ ký trong Hợp đồng ngày 15/4/2011 có phải chữ ký của bà không.

- Trước khi ký bà có được đọc hợp đồng không.

- Việc ký hợp đồng của bà có tự nguyện không.

- Bà có căn cứ nào cho rằng bị ép buộc ký không.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 161175, mang tên ông Đinh Văn Mạnh và bà Đinh Thị Khuê Tâm, vào sổ cấp giấy số CS 02946 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 19/12/2016.

- Lý do gì bà đề nghị huỷ Giấy CNQSD đất mang tên ông Mạnh, bà Tâm.

- Tại cấp Sơ thẩm bà đã rút yêu cầu đối với nội dung này. Vậy bà còn kháng cáo điều gì.

(Nếu bà không rút yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ thì cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ lên Toà án tỉnh để giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm; do bà rút yêu cầu nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với nội dung huỷ giấy. Nếu bà còn thắc mắc thì bà có quyền khởi kiện nội dung này thành vụ án hành chính huỷ giấy CNQSDĐ).

- Vậy bà có rút nội dung kháng cáo đối với yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ không.

+ Đề nghị cho bà Th được trả tiền gốc vay số tiền 260.000.000 đồng và lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự do bà vay tiền bị ép buộc ký giấy bán nhà giả tạo để che dấu sự thật.